

HỘI KHKT LÂM NGHIỆP
VIỆT NAM

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc



HỘI TẬP ĐỊNH MỨC-ĐƠN GIÁ

VỀ CÔNG TÁC PHÒNG CHỐNG MỐI CHO
CÔNG TRÌNH XÂY DỰNG

(THEO QUYẾT ĐỊNH SỐ: 11 QĐ/TWH NGÀY 28/02/2008)

HÀ NỘI - 2008

Hà Nội, ngày 28 tháng 02 năm 2008

QUYẾT ĐỊNH

CHỦ TỊCH HỘI KHKT LÂM NGHIỆP VIỆT NAM
V/v Ban hành tập Định mức - đơn giá phòng trừ mối

CHỦ TỊCH HỘI KHKT LÂM NGHIỆP VN

- Căn cứ nhiệm vụ, chức năng hoạt động của Hội khoa học kỹ thuật lâm nghiệp Việt nam.
- Căn cứ tiêu chuẩn xây dựng TCXD 204: 1998 của Bộ trưởng bộ Xây dựng ban hành ngày 06/01/1998.
- Căn cứ giá hoá chất và vật tư dùng cho công tác phòng chống mối trên thị trường.
- Căn cứ đề nghị của ban soạn thảo định mức chỉ tiêu của Hội KHKT lâm nghiệp Việt nam.

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1: Nay ban hành kèm theo quyết định này "*Tập Định mức-đơn giá phòng trừ mối*".

Tập định mức - đơn giá này được ban hành nhằm đáp ứng yêu cầu hiện nay của công tác phòng chống mối trong các công trình xây dựng, phù hợp với tiêu chuẩn TCXD 204: 1998. Tập định mức đơn giá này thay thế cho các tập định mức - đơn giá đã ban hành.

Điều 2: Tập Định mức - đơn giá trên được áp dụng trong phạm vi chuyên ngành phòng trừ mối trong lĩnh vực xây dựng, gỗ và các loại mây tre kể từ ngày ban hành quyết định này.

Điều 3: Văn phòng TW Hội, các, các Trung tâm hoạt động KHCN và các đơn vị trực thuộc Hội chịu trách nhiệm thi hành quyết định này.

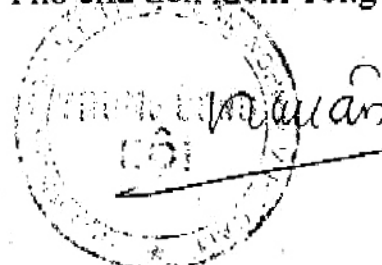
Nơi nhận:

- Các TT hoạt động KHCN
- Các đơn vị trực thuộc Hội
- Lưu văn thư.

HỘI KHKT LÂM NGHIỆP VIỆT NAM

KT. CHỦ TỊCH

Phó chủ tịch kiêm Tổng thư ký



Đỗ Văn Nhuận

PHẦN A

ĐƠN GIÁ CÔNG TÁC XỬ LÝ MỐI & VẬT TƯ



I. CHI PHÍ DIỆT TRỪ MỐI CHO CÔNG TRÌNH ĐANG SỬ DỤNG (MÃ HIỆU A.10)

Đơn giá tính cho 1m² sàn xây dựng như sau:

- Thuốc hấp dẫn	700 đ
- Mối nhử	1400 đ
- Thuốc diệt lây truyền	3000 đ
- Thuốc xử lý diệt mối cánh	1400 đ
- Thuốc phòng ngừa mối xâm nhập	2400 đ
- Vận chuyển	300 đ
- Công lao động	600 đ
- Công kỹ thuật	800 đ
- Kiểm tra + điều chỉnh quá trình nhử	200 đ
- Khấu hao thiết bị	300 đ
- Nghiệm thu, đánh giá kết quả	400 đ

Cộng 11.500 đ

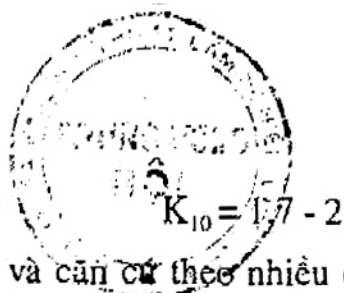
Điều kiện áp dụng:

Đơn giá trên tính cho 1 m² công trình xây dựng đang sử dụng, được nhân với hệ số khi:

- Công trình có n tầng	$K_n = n$
- Công trình cấp 4	$K = 2$
- Công trình đang cải tạo	$K_1 = 2$
- Công trình là kho đang chứa kín hàng	$K_2 = 1,5 - 2$
- Công trình có diện tích:	
$\geq 10.000\text{m}^2$	$K_3 = 0,90$
$\geq 20.000\text{m}^2$	$K_4 = 0,85$
$< 500\text{m}^2$	$K_5 = 1,5$
- Công trình phải vận chuyển từ 50 - 100 km	
50-100km	$K_6 = 1,4$
$> 100\text{km}$	$K_7 = 1,5$
$< 200\text{km}$	$K_8 = 1,7$
$\geq 200\text{km}$	$K_9 = 2$

- Công trình có nội thất phức tạp:

trần, sàn, ốp tường... là gỗ:



* Công trình cần được khảo sát chi tiết và căn cứ theo nhiều điều kiện: diện tích, đặc điểm công trình, chủng loại mối (kể cả mức độ hoạt động), phương án xử lý, chế độ bảo hành - bảo trì..., để lập dự toán và đơn giá xử lý mối cho thích hợp đối với từng công trình, kho bãi.

* Đối với công trình cải tạo:

Nếu có yêu cầu phòng mối, trước hết cần diệt tận gốc các tổ mối hoạt động tại công trình, sau đó lập phương án phòng mối bám sát yêu cầu cải tạo để đảm bảo công tác phòng chống mối được triệt để và đảm bảo lâu dài.

II. CHI PHÍ KHẢO SÁT ĐIỀU TRA SINH HỌC: (MÃ HIỆU A.20)

Chi phí tính cho 1.000m²:

STT	THÀNH PHẦN CHI PHÍ	ĐƠN VỊ	SỐ LƯỢNG	ĐƠN GIÁ	THÀNH TIỀN
I	Vật liệu				
1	Mũi khoan	cái	1	55.000đ	55.000đ
2	Kính lúp	-	0,005	135.000đ	675đ
3	Thước dây 50m	-	0,005	105.000đ	525đ
4	Cước chim	-	1	55.000đ	55.000đ
5	Xăng	-	1	35.000đ	35.000đ
6	Lọ thủy tinh mẫu	lọ	10	12.000đ	120.000đ
7	Cồn	lít	0,5	30.000đ	15.000đ
8	Môi nhử	hộp	5	14.000đ	70.000đ
9	Thuốc hấp dẫn	lít	1	85.000đ	85.000đ
10	Giấy can	cuộn	1	65.000đ	65.000đ
11	Máy ảnh	cái	0,01	3.500.000đ	35.500đ
12	Kính hiển vi	ca	10	5.000đ	50.000đ
	Cộng				586.200đ
II	Nhân công	công	5	60.000đ	300.000đ
	Tổng cộng (I+II):				886.200đ

Đơn giá cho 1 m² là: 886đ/m² (Chưa có thuế GTGT)

Điều kiện áp dụng:

Đơn giá trên tính cho 1 m² công trình xây dựng đang sử dụng, được nhân với hệ số khi:

- Công trình đang thi công cải tạo $K_1 = 1,5$
- Công trình là kho đang chứa kín hàng $K_2 = 1,5$
- Công trình có diện tích > 5.000m² $K_3 = 0,85$
- Công trình có diện tích < 500m² $K_4 = 1,5$
- Nền đất tự nhiên, vườn cây $K_5 = 1,25$

III. ĐƠN GIÁ MỘT SỐ VẬT TƯ PHÒNG CHỐNG MỐI (CHƯA CÓ THUẾ GTGT)

Đơn vị tính: đồng/1 đơn vị

STT	TÊN THUỐC	ĐƠN VỊ	ĐƠN GIÁ
1	THUỐC PHÒNG MỐI NỀN MÓNG (MÃ HIỆU A.30)		
	Các loại thuốc bột:		
	PMC	Kg	55.000
	PMS 100 bột	Kg	29.500
	PMC-90	Kg	280.000
	DIMEZ ã 10 ⁸ BTT/g	kg	120.000
	METAVINA 10DP	kg	120.000
	Các loại dung dịch (EC)		
	Lentrek 40EC	Lít	27.000
	TERMIDOR 2.5EC	Lít	45.000
	Lenfos 50EC	Lít	29.000
	Chlorpyrifos	Lít	28.000
2	THUỐC BẢO QUẢN GỖ (MÃ HIỆU A.31)		
	Cislin 2.5EC	Lít	42.000
	XM5	Kg	70.000
	Cao XM5	Kg	135.000
	LN5	Kg	60.000
3	THUỐC PHÒNG, DIỆT MỐI CÂY (MÃ HIỆU A.32)		
	PMC-90	Kg	280.000
	PMC-94	Kg	50.000
4	VẬT TƯ ĐỀ NHỬ (MÃ HIỆU A.32)		
	Mối nhử	Hộp	14.000
	Pheromol	lít	55.000

IV. GIÁ TRỊ DỰ TOÁN XÂY DỰNG TRƯỚC THUẾ TÍNH CHO MỘT SỐ CÔNG TÁC PHÒNG CHỐNG MỐI CHO CÔNG TRÌNH XÂY DỰNG MỚI

Đơn vị tính: đồng/1 đơn vị

STT	THÀNH PHẦN CÔNG VIỆC	ĐƠN VỊ	GIÁ TRỊ
1	CÔNG TRÌNH LOẠI A: (MÃ HIỆU A.40)		
	Xử lý phòng mối mặt nền:	m ²	70.000 - 140.000
	Xử lý hào ngoài công trình:	m	230.000 - 400.000
	Xử lý hào trong công trình:	m	80.000 - 110.000
	Xử lý phòng mối tường:	m ²	70.000 - 100.000
	Xử lý phòng mối sàn các tầng	m ²	45.000 - 75.000
	Xử lý bảo quản kết cấu gỗ:	m ²	22.000 - 27.000
2	CÔNG TRÌNH LOẠI B: (MÃ HIỆU A.41)		
	Xử lý phòng mối mặt nền:	m ²	60.000 - 100.000
	Xử lý hào ngoài công trình:	m	180.000 - 320.000
	Xử lý hào trong công trình:	m	70.000 - 100.000
	Xử lý phòng mối tường:	m ²	55.000 - 75.000
	Xử lý phòng mối sàn các tầng	m ²	35.000 - 50.000
	Xử lý bảo quản kết cấu gỗ:	m ²	15.500 - 22.000
3	CÔNG TRÌNH LOẠI C: (MÃ HIỆU A.42)		
	Áp dụng đơn giá của công trình loại B nhân với hệ số 0,7		

Ghi chú:

* Việc phân loại công trình theo A, B, C ở đây là căn cứ theo yêu cầu sử dụng:

- loại A: công trình có hạn sử dụng ≥ 100 năm
- loại B: công trình có hạn sử dụng ≥ 50 năm
- loại C: công trình có hạn sử dụng ≥ 20 năm

* Việc áp dụng mức giá phụ thuộc vào:

- Loại công trình (A, B, C)
- Mức độ xâm hại của mối ở khu vực xây dựng công trình
- Một số đặc điểm công trình: Công trình có kiến trúc đặc biệt, công trình có nhiều kết cấu gỗ, công trình là nhà tàng thư, lưu trữ, thông tin...

V. GIÁ TRỊ DỰ TOÁN XÂY DỰNG TRƯỚC THUẾ TÍNH CHO MỘT SỐ CÔNG TÁC PHÒNG CHỐNG MỐI CHO CÔNG TRÌNH CẢI TẠO

V.1. Khoan, bơm thuốc xử lý phòng chống mối: (MÃ HIỆU A.50)

Đối với các công trình xây dựng mới nhưng đã đổ bê tông nền, công trình cải tạo hoặc công trình đang sử dụng, phải tiến hành xử lý phòng chống mối bằng phương pháp khoan, bơm thuốc. Đơn giá xử lý chung như sau:

Đơn vị tính: đồng/l đơn vị

STT	THÀNH PHẦN CÔNG VIỆC	ĐƠN VỊ	GIÁ TRỊ
1	Xử lý hàng rào phòng mối bao ngoài	m	270.000 - 450.000
2	Xử lý hàng rào phòng mối bên trong	m	200.000 - 320.000
3	Xử lý phòng mối mặt nền	m ²	150.000 - 220.000
4	Xử lý phòng mối tường	m ²	70.000 - 100.000

V.2. Chi phí cho một mũi khoan sâu 20 - 35cm, phi 14-18mm và bơm thuốc chống mối (không kể thuốc) như sau: (MÃ HIỆU A.51)

STT	THÀNH PHẦN HAO PHÍ	CHI PHÍ (Đ)
1	Chi phí máy	
	- Máy khoan	250
	- Máy bơm thuốc	110
	- Tiêu thụ điện năng	260
	Cộng	620
2	Chi phí vật liệu phụ	
	- Mũi khoan	200
	- Xi măng trắng P400	90
	- Thùng khối, thóc dây, dây điện, ống cao su, khẩu trang, gang tay	250
	Cộng	540
3	Nhân công (tính theo mức lương 450.000đ/tháng)	
	- Công khoan	1200
	- Công bơm thuốc.	2650
	- Bịt lỗ khoan, vệ sinh	850
	Cộng	4700



Điều kiện áp dụng: (nhân với hệ số K)

Đơn giá trên được nhân với hệ số K trong các trường hợp sau:

- Công trình có bê tông dày ≥ 20 cm
hoặc bê tông cốt thép: $K = 2,5$
- Công trình có nền bê tông dày 10 - 20 cm $K = 2$
- Công trình có nền bê tông 7 - 10 cm $K = 1,75$
- Công trình có nền bê tông dày ≤ 7 cm $K = 1,5$
- Công trình có bê tông lót hoặc lát gạch $K = 1,0$
- Khoan ở độ sâu $> 50\text{cm} \leq 01\text{m}$ $K_2 = 1,7$
- Khoan ở độ sâu $> 01\text{m} \leq 1,5\text{m}$ $K_3 = 2$

PHẦN B

ĐỊNH MỨC CÔNG TÁC XỬ LÝ PHÒNG



I. HÀNG RÀO PHÒNG MỐI BAO NGOÀI CÔNG TRÌNH:

Hàng rào phòng mối bao ngoài là phần đất sát chân tường phía ngoài công trình được xử lý hoá chất để tạo thành lớp ngăn cách cản trở mối xâm nhập từ bên ngoài vào công trình hoặc từ nền đất theo tường lên phần trên của công trình.

Tuỳ theo từng công trình, hàng rào phòng mối bao ngoài có thể được thiết lập theo một trong các phương pháp sau:

I.1. Tạo hào phòng mối bao ngoài (MÃ HIỆU B.10)

Đào hào rộng 50cm, sâu 60 - 80 cm sát chân tường phía ngoài. Lấp đất hoặc cát trở lại hào, đồng thời tiến hành xử lý phân đất hoặc cát đó bằng thuốc PMS hoặc các loại thuốc tương đương.

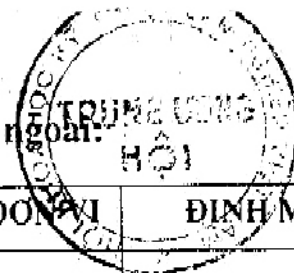
* Điều kiện áp dụng:

Áp dụng cho công trình xây dựng mới hoặc công trình cải tạo có dỡ bỏ lớp nền

* Nội dung công việc:

- Xác định vị trí hào theo bản vẽ thiết kế
- Đào hào theo kích cỡ thiết kế. Trong khi đào, nếu phát hiện có tổ mối ở vị trí hào hoặc khu vực liền kề phải tiến hành xử lý diệt
- Lấp hào bằng đất vừa đào lên hoặc bằng cát đen theo từng lớp 10 - 15 cm. Trong quá trình lấp, nhặt bỏ rễ cây, các mảnh gỗ, gạch đá có kích thước to ra khỏi hào. Nếu có cốt pha kẹt không tháo bỏ được phải phun xử lý bằng thuốc bảo quản.
- Xử lý từng lớp đất bằng thuốc PMS hoặc tương đương
- Hoàn trả mặt bằng tại vị trí vừa xử lý.

* Định mức công tác xử lý 1m³ hào phòng môi bao ngoài:



STT	CHI PHÍ	ĐƠN VỊ	ĐỊNH MỨC
1	Vật liệu:		
	- Thuốc PMS 100 bột	kg	12 - 14
	hoặc dung dịch EC	lít	15 - 18
	- Vật liệu khác: Bao gồm	%	12
	+ Thùng khối, hoá chất diệt mối, mối nhử, hoá chất phun cốt pha kẹt		
	+ Nilon (Không bắt buộc)		
2	Nhân công		
	- Công đào, lấp	công	Theo XDGB (*)
	- Công xử lý (Thợ bậc 4/7)	công	1
3	Máy		
	- Máy phun hoá chất (trường hợp dùng dung dịch EC)	ca	0,4
	- Máy đầm	ca	0,3

Ghi chú:

- (*) Công đào hào bao ngoài thường phải tính là đất cấp III trở lên vì hào bao ngoài thường được thi công ở gần giai đoạn hoàn thiện của công trình, khi đó phân đất tại chân công trình có lẫn rất nhiều vật liệu thải như gạch vỡ, đá, xi măng, vữa trát rơi xuống đồng kết lại...
- Đối với các công trình có tầng hầm, có thể tăng chiều sâu của hào bao ngoài hoặc bổ sung xử lý phần bên dưới hào bằng cách khoan, thuận sau đó bơm thuốc xuống. Mục đích là nhằm tạo lớp ngăn cách giữa toàn bộ phần âm của tầng hầm với đất tự nhiên xung quanh.

I.2. Tạo hàng rào phòng môi bằng phương pháp khoan, bơm thuốc: (MÃ HIỆU B.11)

Xử lý phần đất sát chân tường phía ngoài bằng cách khoan lỗ và bơm hoá chất xuống.

*** Điều kiện áp dụng:**

Định mức trên áp dụng cho công trình cải tạo.



*** Nội dung công việc:**

- Xác định vị trí cần xử lý theo bản vẽ thiết kế
- Khoan các lỗ khoan nằm dọc theo chân tường, cách nhau 30 cm, sâu 30 - 35 cm, rộng phi 18 - 22 cm.
- Bơm thuốc phòng mối xuống các lỗ khoan
- Bịt các lỗ khoan bằng xi măng trắng hoặc bằng vật liệu khác tùy theo yêu cầu của từng công trình.

*** Định mức công tác xử lý 1 lỗ khoan:**

STT	CHI PHÍ	ĐƠN VỊ	ĐỊNH MỨC
1	Vật liệu:		
	- Thuốc Termidor hoặc dung dịch EC tương đương	lít	2,5
	- Vật liệu khác:		Theo mục
2	Nhân công		V.2.
3	Máy		phần A

I.3. tạo hàng rào phòng mối bằng phương pháp thuốn , bơm thuốc: (MÃ HIỆU B.12)

Xử lý phần đất sát chân tường phía ngoài bằng cách thuốn lỗ và bơm hoá chất xuống.

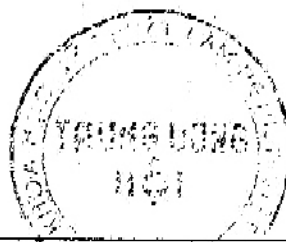
*** Điều kiện áp dụng:**

áp dụng cho công trình xây dựng mới hoặc công trình cải tạo có dỡ bỏ lớp nền. Tuy nhiên, chỉ áp dụng với các công trình có nền đất là cát hoặc đất xốp. Các công trình có nền đất cứng, đất sét, không áp dụng phương pháp này.

*** Nội dung công việc:**

- Xác định vị trí cần xử lý theo bản vẽ thiết kế
- Dùng máy hoặc các dụng cụ thủ công để thuốn các lỗ sâu 40 - 50 cm, dọc theo chân tường, cách tường 20cm. Các lỗ thuốn cách nhau khoảng 20 cm.
- Bơm thuốc phòng mối xuống các lỗ thuốn.
- Tiếp tục thuốn sao cho thuốc ngấm đều trong phạm vi rộng: 50cm, sâu: 60-80 cm. Các lỗ thuốn không nên cách chân tường quá 30 cm

- Hoàn trả mặt bằng tại vị trí vừa xử lý.



*** Định mức tính cho 1 m:**

STT	CHI PHÍ	ĐƠN VỊ	ĐỊNH MỨC
1	Vật liệu:		
	Termidor hoặc dung dịch EC tương đương	lít	5 - 7,5 (*)
	- Vật liệu khác:	%	5
2	Nhân công		
	- Công xử lý (Thợ bậc 4/7)	công	0,35
3	Máy		
	- Máy phun hoá chất	ca	0,15
	- Máy đầm	ca	0,1

Ghi chú:

(*) Định mức thuốc này được tính tương đương với định mức thuốc dùng để xử lý 01 m hào phòng mối rộng 50 cm, sâu 60 - 80 cm.

II. HÀNG RÀO PHÒNG MỐI BÊN TRONG CÔNG TRÌNH:

Hàng rào phòng mối bên trong là phần đất sát chân tường bên trong công trình được xử lý hoá chất để tạo thành lớp ngăn cách cản trở mối xâm nhập từ nền đất theo tường lên phần trên của công trình.

Tùy theo từng công trình, hàng rào phòng mối bên trong có thể được thiết lập theo một trong các phương pháp sau:

II.1. Tạo Hào phòng mối bên trong (MÃ HIỆU B.20)

Đào hào rộng 30cm, sâu 40 cm sát chân tường. Lấp đất hoặc cát trở lại hào, đồng thời tiến hành xử lý phần đất hoặc cát đó bằng thuốc PMS hoặc các loại thuốc tương đương.

*** Điều kiện áp dụng:**

Áp dụng cho công trình xây dựng mới hoặc công trình cải tạo có dỡ bỏ kết cấu nền

*** Nội dung công việc:**

- Xác định vị trí hào theo bản vẽ thiết kế

- Đào hào theo kích cỡ thiết kế. Trong khi đào, nếu phát hiện có tổ mối ở vị trí hào phải tiến hành xử lý diệt
- Lấp hào bằng đất vừa đào lên hoặc bằng cát đen theo từng lớp 10 - 15 cm. Trong quá trình lấp, nhặt bỏ rễ cây, các mảnh gỗ, gạch đá có kích thước to ra khỏi hào. Nếu có cốt pha kẹt không tháo bỏ được phải phun xử lý bằng thuốc bảo quản.
- Xử lý từng lớp đất bằng thuốc PMS hoặc tương đương
- Hoàn trả mặt bằng tại vị trí vừa xử lý.

* Định mức công tác xử lý 1m³ hào phòng mối bên trong

STT	CHI PHÍ	ĐƠN VỊ	ĐỊNH MỨC
1	Vật liệu:		
	- Thuốc PMS 100 bột	kg	12 - 14
	hoặc dung dịch EC	lít	15 - 18
	- Vật liệu khác: Bao gồm	%	12
	+ Thùng khối, hoá chất diệt mối, mối nhử, hoá chất phun cốt pha kẹt		
	+ Nilon (Không bắt buộc)		
2	Nhân công		
	- Công đào, lấp	công	Theo XDGB
	- Công xử lý (Thợ bậc 4/7)	công	1
3	Máy		
	- Máy phun hoá chất (trường hợp dùng dung dịch EC)	ca	0,4
	- Máy đầm	ca	0,3

II.2. Tạo hàng rào phòng mối bằng phương pháp khoan, bơm thuốc: (MÃ HIỆU B.21)

Xử lý phần đất sát chân tường bên trong công trình bằng cách khoan lỗ và bơm hoá chất xuống.

* Điều kiện áp dụng:

Định mức trên áp dụng cho công trình cải tạo.

*** Nội dung công việc:**

- Xác định vị trí hàng rào theo bản vẽ thiết kế
- Khoan các lỗ khoan nằm sát và dọc theo chân tường, cách nhau 30 cm, sâu 20 cm, rộng phi 14 - 18 cm.
- Bơm hoá chất xuống các lỗ khoan
- Bịt các lỗ khoan bằng xi măng trắng hoặc bằng vật liệu khác tùy theo yêu cầu của từng công trình.

*** Định mức công tác xử lý 1 lỗ khoan:**

STT	CHI PHÍ	ĐƠN VỊ	ĐỊNH MỨC
1	Vật liệu		
	- Thuốc Termidor hoặc dung dịch EC tương đương	lít	2
	- Vật liệu khác:	-	Theo mục
2	Nhân công		V.2.
3	Máy		phần A

II.3. Tạo hàng rào phòng mối bằng phương pháp thuốc, bơm thuốc: (MÃ HIỆU B.22)

Xử lý phần đất sát chân tường bên trong bằng cách thuốc lỗ và bơm hoá chất xuống.

*** Điều kiện áp dụng:**

Áp dụng cho công trình xây dựng mới hoặc công trình cải tạo có dỡ bỏ lớp nền. Tuy nhiên, chỉ áp dụng với các công trình có nền đất là cát hoặc đất xốp. Các công trình có nền đất cứng, đất sét, không áp dụng phương pháp này.

*** Nội dung công việc:**

- Xác định vị trí cần xử lý theo bản vẽ thiết kế
- Dùng các dụng cụ thủ công để thuốc các lỗ sâu 20 cm, dọc theo chân tường, cách tường 10cm. Các lỗ thuốc cách nhau khoảng 20 cm.
- Bơm thuốc phòng mối xuống các lỗ thuốc.
- Tiếp tục thuốc sao cho thuốc ngấm đều trong phạm vi rộng: 30cm, sâu: 40 cm. Các lỗ thuốc không nên cách chân tường quá 20 cm

- Hoàn trả mặt bằng tại vị trí vừa xử lý.

* Định mức tính cho 1m hàng rào phòng mối xử lý bằng phương pháp thuốc:



STT	CHI PHÍ	ĐƠN VỊ	ĐỊNH MỨC
1	Vật liệu:		
	Termidor hoặc dung dịch EC tương đương	lít	1,8 - 2,2 (*)
	- Vật liệu khác:	%	5
2	Nhân công		
	- Công xử lý (Thọ bậc 4/7)	công	0,15
3	Máy		
	- Máy phun hoá chất	ca	0,06
	- Máy đầm	ca	0,05

Ghi chú:

(*) Định mức thuốc này được tính tương đương với định mức thuốc dùng để xử lý 01 m hào phòng mối rộng 30 cm, sâu 40 cm.

III. CÔNG TÁC XỬ LÝ MẶT NỀN CÔNG TRÌNH:

III.1. phòng mối nền công trình xây mới (MÃ HIỆU B.30)

Nền đất tự nhiên bên trong công trình được xử lý phòng mối bằng thuốc PMS hoặc tương đương.

*** Điều kiện áp dụng:**

Áp dụng cho công trình xây dựng mới hoặc công trình cải tạo có dỡ bỏ lớp nền.

*** Nội dung công việc:**

- San lấp nền công trình bằng hoặc gán bằng cốt thiết kế (Phần việc này do bên xây dựng thực hiện)
- Nhặt bỏ các loại tạp chất có chứa Cellulose như mùn rác, rễ cây, mảnh gỗ tạp...
- Rải thuốc phòng mối PMS hoặc tương đương lên toàn bộ mặt nền. ở khu vực có mức độ xâm hại của mối cao, trong đất có nhiều tàn dư thực

vật, chất thải có Cellulose (Ví dụ: khu đất trước đây là bãi rác/) hoặc được san lấp bằng nguồn đất có nhiều mối (ví dụ: đất đồi), phải tăng cường phun thêm dung dịch EC lên nền công trình trước khi rải lớp thuốc PMS với định mức từ 0,5 - 1,5 lit/m².

* Định mức tính cho 01 m² xử lý phòng mỗi nền:

STT	CHI PHÍ	ĐƠN VI	ĐỊNH MỨC
1	Vật liệu:		
	Định mức cho từng loại công trình như sau:		
	+ Nền có bê tông cốt thép dày ≥10 cm		
	Thuốc PMS: 100 bột	kg	1 - 1,2
	Hoặc dung dịch EC	lít	1 - 2
	+ Nền có bê tông cốt thép dày <10 cm		
	Thuốc PMS: 100 bột	kg	1,2 - 1,5
	Hoặc dung dịch EC	lít	2 - 2,5
	+ mặt nền có bê tông lót (dày 5 - 7 cm)		
	Thuốc PMS: 100 bột	kg	1,5 - 2
	Hoặc dung dịch EC	lít	2,5 - 3
	+ Nền chỉ đầm bê tông, gạch vỡ, vữa bata		
	Thuốc PMS: 100 bột	kg	2
	Hoặc dung dịch EC	lít	3 - 5
	- Vật liệu khác: Bao gồm	%	13
	+ Thùng khối, hoá chất diệt mối, mối nhử, hoá chất phun cốt pha kết		
	+ Nilon (Không bắt buộc)		
2	Nhân công		
	- Công xử lý (Thợ bậc 4/7)	công	0,1
3	Máy		
	- Máy phun hoá chất (trường hợp dùng dung dịch EC):		
	+ Phun dưới 2,5 lít dung dịch EC	ca	0,05
	+ Phun trên 2,5 lít dung dịch EC	ca	0,07
	- Máy bơm nước 0,75 kw	ca	0,06

III.1. phòng mối nền công trình cải tạo (MÃ HIỆU B.31)

Nền đất tự nhiên bên trong công trình được xử lý phòng mối bằng cách khoan lỗ qua lớp kết cấu nền và bơm dung dịch EC xuống.

* Điều kiện áp dụng:

Áp dụng cho công trình cải tạo không có điều kiện bóc bỏ lớp nền hoặc công trình xây mới nhưng đã đổ bê tông lót.

* Nội dung công việc:

- Khoan các lỗ khoan theo hình lưới khắp vị trí nền cần xử lý. Các lỗ khoan sâu 10 cm, rộng phi 14 - 18 cm, cách nhau tối đa 30 cm.
- Bơm dung dịch Termidor hoặc dung dịch tương đương xuống các lỗ khoan.
- Bịt các lỗ khoan bằng xi măng trắng hoặc bằng vật liệu khác tùy theo yêu cầu của từng công trình.

* Định mức tính cho 01 m²:

STT	CHI PHÍ	ĐƠN VỊ	ĐINH MỨC
1	Vật liệu:		
	- Thuốc Termidor hoặc dung dịch EC tương đương	lít	4 - 5
	- Vật liệu khác:		
2	Nhân công		(*)
3	Máy		

Ghi chú:

(*) Tính theo đơn giá tại mục V.2. phần A nhân với hệ số K =0,5

IV. CÔNG TÁC XỬ LÝ TƯỜNG, PHẦN MÓNG CÔNG TRÌNH: (MÃ HIỆU B.40)

Phần tường, móng công trình được phun dung dịch Termidor hoặc dung dịch EC tương đương lên bề mặt.

* Điều kiện áp dụng:

Áp dụng cho công trình xây mới và công trình cải tạo.

*** Nội dung công việc:**

- Xác định khu vực cần phun xử lý phòng mối
- Chuẩn bị thang hoặc dàn giáo (trong trường hợp phun tường).
- Phun dung dịch Termidor hoặc dung dịch EC tương đương lên bề mặt cho ngấm kỹ

*** Định mức tính cho 01 m²:**

STT	CHI PHÍ	ĐƠN VỊ	ĐỊNH MỨC
1	Vật liệu:		
	- Thuốc Termidor hoặc dung dịch EC tương đương	lít	1,5 - 2
	- Vật liệu khác:	%	5
2	Nhân công		
	- Công xử lý (Thợ bậc 4/7)	công	0,1
3	Máy		
	- Máy phun hoá chất:	ca	0,05

V. CÔNG TÁC XỬ LÝ PHÒNG MỐI SÀN CÁC TẦNG: (MÃ HIỆU B.50)

Sàn các tầng của công trình được phun dung dịch Termidor hoặc dung dịch EC tương đương lên bề mặt trước khi lát.

*** Điều kiện áp dụng:**

áp dụng cho công trình xây mới hoặc cải tạo có bóc bỏ lớp gạch lát và đồng thời thuộc một trong các loại công trình sau: công trình nằm khu vực có mức độ xâm hại của mối cao; công trình có nhiều kết cấu gỗ lát sàn, ốp tường; công trình đặc biệt như: Nhà lưu trữ, vàng thư....

*** Nội dung công việc:**

- Xác định khu vực cần phun xử lý phòng mối
- Vệ sinh sàn trước khi phun thuốc
- Phun dung dịch Termidor hoặc dung dịch EC tương đương lên bề mặt.

* Định mức tính cho 01 m²:

STT	CHI PHÍ	ĐƠN VỊ	ĐỊNH MỨC
1	Vật liệu:		
	- Thuốc Termidor hoặc dung dịch EC tương đương	lít	0,7 - 1
	- Vật liệu khác:	%	5
2	Nhân công		
	- Công xử lý (Thợ bậc 4/7)	công	0,1
3	Máy		
	- Máy phun hoá chất:	ca	0,05

VI. XỬ LÝ PHÒNG MỐI CÁC KHU VỰC KHÁC TRÊN NỀN CÔNG TRÌNH (MÃ HIỆU B.60)

Một số vị trí đặc biệt như các đường ống kỹ thuật, dây cáp đi qua nền công trình, các khe phòng lún, sàn panen cần phải được xử lý tăng cường thuốc vì mối thường lợi dụng các vị trí này để xâm nhập công trình.

* Điều kiện áp dụng:

Áp dụng cho tất cả các trường hợp nếu điều kiện mặt bằng cho phép.

* Nội dung công việc:

- Tại các vị trí nền có các đường ống, dây cáp đi từ nền lên phần trên của công trình: tăng cường rải thuốc PMS hoặc phun dung dịch EC tại vị trí nền đất có đường ống đi qua
- Tại các vị trí hào có các đường ống, dây cáp đi qua: Tăng cường định mức thuốc xử lý hào phòng mối tại vị trí đó.
- Các khe phòng lún: Rải thuốc PMS hoặc phun dung dịch EC dọc theo khe phòng lún.
- Sàn panen: phun dung dịch EC vào bên trong khoang rỗng của panen

* Định mức:



STT	CHI PHÍ	ĐƠN VỊ	ĐỊNH MỨC
1	Định mức cho 01 m ² nền có các đường ống, dây cáp đi lên phía trên (*)		
	Vật tư:		
	Thuốc PMS 100 bột	kg	2,5
	hoặc dung dịch EC	lít	3
2	Định mức cho 01 m ³ hào có các đường ống, dây cáp đi qua (*)		
	Vật tư:		
	Thuốc PMS 100 bột	kg	14
	hoặc dung dịch EC	lít	18
3	Định mức cho 01 m chiều dài khe phòng lún		
	Vật tư:		
	Thuốc PMS 100 bột	kg	7
	hoặc dung dịch EC	lít	7
4	Xử lý panen		
	Dung dịch EC	lít	2

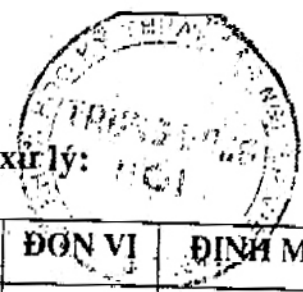
Ghi chú:

(*) Đây là định mức thuốc tăng cường thêm ngoài phần thuốc đã tính để xử lý khu vực này.

VII. XỬ LÝ PHÒNG CHỐNG MỐI VÀ CÔN TRÙNG GÂY HẠI CHO GỖ VÀ LÀM SÀN KHÁC: (MÃ HIỆU B.70)

Các loại vật liệu này không chỉ là đối tượng phá hoại của mối mà còn cả các loại côn trùng khác như: các loài mọt, xén tóc..., do đó khi sử dụng đều phải được xử lý bảo quản. Có nhiều phương pháp xử lý tương ứng với chủng loại, yêu cầu và mục đích sử dụng

Định mức cho công tác xử lý gỗ tính theo phương án xử lý:



STT	CHI PHÍ	ĐƠN VỊ	ĐỊNH MỨC
1	Phun, quét 01 m² gỗ, mây tre		
	Vật liệu:		
	Thuốc Cislin hoặc tương đương:		
	- Các loại gỗ (trừ nhóm 4)	lít	0,3 - 0,4
	- Gỗ nhóm 4	lít	0,5
	- Kết cấu gỗ đã lắp vào công trình	lít	0,4 - 0,5
	- Mây, tre, nứa đã chặt hạ lâu ngày	lít	0,5
	Nhân công: Công thợ bậc 4/7	công	0,1
	Máy phun hoá chất	ca	0,05
2	Ngâm tẩm 01 m³ bằng bể ngâm		
	Vật liệu:		
	Dung dịch XM5: 5 - 8%	lít	300 - 600 (*)
	hoặc dung dịch Cislin		
	Nhân công, bể ngâm		(**)
3	Ngâm tẩm 01 m³ bằng thiết bị áp lực chân không		
	Vật liệu: Dung dịch XM5 hoặc Cislin	lít	300 - 450 (*)
	Nhân công, thiết bị		(**)
4	Bảo quản tre nứa tươi (Định mức cho 1 cây)		
	Vật liệu: Dung dịch XM5 7%	lít	3 - 5
	Nhân công: Thợ bậc 4/7	công	0,2
5	Xử lý tẩy mốc, phòng mốc cho 1 m² gỗ		
	Vật liệu: Dung dịch tẩy 5%		
	- Tẩy mốc	lít	0,3
	- Phòng mốc	lít	0,5
6	Phòng chống cháy, làm chậm bắt lửa		
	Dung dịch chống cháy	lít	0,4 - 0,5

Ghi chú:

- (*) Định mức dao động phụ thuộc vào các yếu tố sau:
- + Mức độ thấm thấu thuốc của từng loại gỗ
 - + Kích thước gỗ: Các tấm gỗ lớn sẽ hấp thụ thuốc ít hơn so với các mảnh gỗ nhỏ nếu tính theo tỉ lệ trên 01 m³ gỗ
 - + Khối lượng gỗ cần xử lý ngâm tẩm: Nếu lượng gỗ cần xử lý càng lớn thì lượng thuốc hao phí vô ích càng ít khi tính theo tỉ lệ trên 01 đơn vị m³ gỗ
- (**) Do kích thước gỗ khác nhau sẽ liên quan đến việc thi công xử lý. Vì vậy nhân công, thiết bị và bể ngâm sẽ được tính theo từng công trình cụ thể.
- Các loại thuốc trên có thể được thay thế bằng các loại thuốc tương đương khác nằm trong danh mục thuốc được phép sử dụng ở Việt Nam do Bộ Nông nghiệp và phát triển nông thôn ban hành.

Cách tính diện tích một số kết cấu gỗ trong công trình XD:

- Diện tích xử lý là toàn bộ diện tích bề mặt được phun quét thuốc xử lý.
- Đối với một số cấu kiện gỗ cửa, diện tích xử lý được nhân với hệ số K như sau:

1/ Cánh cửa panô gỗ:	$K = 1$
2/ Cánh cửa panô gỗ kính:	$K = 0,5 - 0,7$
3/ Cánh cửa kính	$K = 0,4$
4/ Cánh cửa chớp	$K = 1,1$